

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quang Hùng, ông Nguyễn Quốc Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXX- ST ngày 28 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị L - sinh năm 1995. Nơi đăng ký thường trú: Bản É, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản É, xã Q, tỉnh Điện Biên). Nơi cư trú hiện nay: Bản Xuân M, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là Bản Xuân M, xã B, tỉnh Điện Biên). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Quàng Văn L1 – sinh năm 1990. Nơi đăng ký thường trú: Bản É, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản É, xã Q, tỉnh Điện Biên). Hiện đang chấp hành án tại trại giam Đ, phân trại số E, Trại giam S - Cục C thuộc Bộ C1; địa chỉ: Xã S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày:

Chị và anh L1 chung sống với nhau từ năm 2016 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người đăng ký kết hôn ngày 01/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là xã Q, tỉnh Điện Biên). Sau khi kết hôn hai người chung

sống hạnh phúc đến năm 2019, đầu năm 2020 chị L phát hiện anh L1 sử dụng ma túy được gia đình nhiều lần động viên, khuyên nhủ nhưng anh L1 không thay đổi.

Đến cuối năm 2020 anh L1 bị phạt tù về tội liên quan đến ma túy, hiện đang chấp hành án tại Trại giam S, thành phố Hà Nội. Trong thời gian chấp hành án chị có thường xuyên xuống thăm gặp, nhưng từ năm 2024 đến nay chị L không còn thăm gặp anh L1 do thấy bản thân không còn tình cảm vợ chồng với anh L1, chị không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh L1 nữa, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L1.

Về con chung: Hai người có 02 con chung là Quàng Thùy D – sinh ngày 23/01/2017, Quàng Thanh T – sinh ngày 23/4/2021. Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn đều không có ý kiến về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại văn bản ghi ý kiến của cháu Quàng Thùy D thể hiện nguyện vọng muốn được ở với nguyên đơn L1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị giao các con chung Quàng T, Quàng Thanh T cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị L xác định là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân gia đình.

Về Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm nguyên đơn nộp đơn xin ly hôn thì bị đơn Quảng Văn L1 có nơi đăng ký thường trú tại Bản É, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản É, xã Q, tỉnh Điện Biên) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 Nghị quyết Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm b khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định các Điều 174, 175 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa mở ngày 15/8/2025 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự do bị đơn vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị L và anh Quảng Văn L1 là hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc bị đơn nghiện ma túy không chăm lo vun đắp cuộc sống chung của gia đình, đã được gia đình động viên nhưng bị đơn không thay đổi, nên dẫn đến năm 2020 bị đơn đã có hành vi vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Trại giam S - Cục C thuộc Bộ C1. Thời gian đầu nguyên đơn vẫn thường xuyên xuống thăm gặp bị đơn, nhưng từ năm 2024 đến nay nguyên đơn thấy không còn tình cảm vợ chồng với bị đơn nữa do mỗi người sống một nơi. Do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, qua biên bản xác minh tại Bản É, xã Q thể hiện nguyên đơn và bị đơn không còn sống cùng nhau do bị đơn đang đi chấp hành án phạt tù và nguyên đơn đã chuyển về sinh sống cùng bố mẹ tại Bản X, xã B, tỉnh Điện Biên do đó Hội đồng xét xử thấy yêu

cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về con chung:

Hai người có hai con chung, nguyên đơn yêu cầu được nuôi cả hai con, quá trình giải quyết bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy hiện tại bị đơn đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam nên không đảm bảo về điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, đồng thời theo ý kiến của cháu Quàng Thùy D có nguyện vọng muốn được sống chung cùng với mẹ.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục con, mức độ chăm lo cuộc sống của con cái, thấy yêu cầu nuôi con của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần giao hai cháu Quàng Thùy D và Quàng Thanh T cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án chưa giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị L được ly hôn với anh Quàng Văn L1.

2. Về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung:

- Giao cho chị Lường Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Quàng Thùy D – sinh ngày 23/01/2017, Quàng Thanh T – sinh ngày 23/4/2021 cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên Toà án chưa giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Lương Thị L có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Quảng Văn L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L1 thực hiện quyền này.

Chị Lương Thị L và anh Quảng Văn L1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 5 ngày 14/5/2025. Chị Lương Thị L đã nộp đủ.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, các bên có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3, tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã T, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Lan